

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán
Công trình: Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Trung ương và vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 169/TĐ-KTHT ngày 24/7/2020; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 22/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình **Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa** với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông nông thôn, loại B.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.

4. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn đảm bảo cho nhu cầu đi lại, sản xuất của nhân dân.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

7. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.

7.1. Nền, mặt đường:

a) Bình đồ tuyến:

Bình đồ tuyến theo đường hiện trạng: Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến đường tỉnh 520, điểm cuối Km0+553,08 tại công Phân kho 4 thôn 4, chiều dài tuyến L= 553,08m.

b) Cắt dọc tuyến:

Cao độ đường đồ thiết kế phù hợp với hiện trạng tuyến đường và dân cư hai bên đường.

c) Cắt ngang tuyến:

- | | | |
|---------------------------|----------------|-------------|
| - Chiều rộng nền đường: | B _n | = 5,0m; |
| - Chiều rộng mặt đường: | B _m | = 4,0 m; |
| - Chiều rộng lề đường: | B _L | = 2 x 0,5m; |
| - Độ dốc ngang mặt đường: | I _M | = 2%; |
| - Độ dốc lề đường: | I _L | = 4%; |

d) Kết cấu, nền mặt đường:

- Kết cấu áo đường trên nền đường mới:
 - + Lớp mặt đường BTXM đá 1x2 M250#, dày 18cm;
 - + Lớp lót chống thấm nilon tái sinh;
 - + Lớp móng CPĐD loại II dày 12cm;
 - + Đắp đất nền đường, lề đường lu lèn đạt độ chặt K=0,95.
- Kết cấu áo đường trên nền đường cũ:
 - + Lớp mặt đường BTXM đá 1x2 M250#, dày 18cm;
 - + Lớp lót chống thấm nilon tái sinh;
 - + Bù vênh CPĐD loại II;
 - + Đắp đất nền đường, lề đường lu lèn đạt độ chặt K=0,95.

7.2. Công thoát nước:

Trên tuyến chính thiết kế 01 cống bản khẩu độ B = 1,5m, dài L= 5,5m tại lý trình Km0+466,92 với có kết cấu như sau:

- Lớp đá dăm đệm móng dày 10cm;
- Bê tông móng, sân gia cố M150# đá 1x2;
- Bê tông thân cống, tường đầu cánh M200# đá 1x2;
- Mũ mô BTCT M200# đá 1x2;
- Tấm bản BTCT M250# đá 1x2 dày 18cm đúc sẵn;

8. Giá trị dự toán và nguồn vốn.

8.1. Giá trị dự toán : 915.480.000đ.

(Chín trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|---------------------|---------------|
| - Chi phí xây lắp: | 801.659.000đ; |
| - Chi phí QLDA: | 21.747.114đ; |
| - Chi phí TVĐTXD: | 61.913.045đ; |
| - Chi phí khác: | 12.209.805đ; |
| - Chi phí dự phòng: | 17.950.579đ; |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ TRIỆU THÀNH,
HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

HẠNG MỤC: TUYẾN TỪ TỈNH LỘ 520 ĐI CÔNG PHÂN KHO 4 THÔN 4

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /7/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	728.780.909	72.878.091	801.659.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	21.747.114		21.747.114
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	56.284.586	5.628.459	61.913.045
1	Chi phí khảo sát địa hình	19.364.545	1.936.455	21.301.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	18.219.523	1.821.952	20.041.475
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp	18.700.518	1.870.052	20.570.570
IV	CHI PHÍ KHÁC	11.348.177	861.628	12.209.805
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT	173.941		173.941
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.557.958		2.557.958
3	Chi phí kiểm toán	8.616.278	861.628	9.477.906
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	16.363.216	1.587.364	17.950.579
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng	16.363.216	1.587.364	17.950.579
	TỔNG CỘNG	834.524.002	80.955.541	915.479.543
	LÀM TRÒN			915.480.000
(Chín trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)				